TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 197/2025/HC-PT
Ngày: 11 - 9 - 2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực hạ tầng giao thông".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu

Bà Nguyễn Thị Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 507/2025/TLPT- HC ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực hạ tầng giao thông".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2025/HC-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét sử số 475/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Trương Thị H, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ G, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là Tổ G, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đỗ Khắc X, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã L, tỉnh Đồng Nai).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L,

tỉnh Đồng Nai) (vắng mặt);

2. Ủy ban nhân dân xã L (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Lê Thanh R, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã L, tỉnh Đồng Nai);

3. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã L, tỉnh Đồng Nai);

4. Ông Trần Thanh L, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã L, tỉnh Đồng Nai);

5. Ông Phan Nguyễn Anh V1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ G, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là Tổ G, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo ủy quyền của ông R, ông V, ông L, ông V1: Ông Đỗ Khắc X, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã L, tỉnh Đồng Nai).

6. Ông Dương Minh N, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay tổ B, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Nai);

7. Ông Lê Đình L1, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là ấp S, xã L, tỉnh Đồng Nai);

8. Ông Lê Văn M, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là tổ F, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Nai);

9. Ông Lê Đình D, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ G, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là tổ G, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Nai).

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện là bà Trương Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Trương Thị H và người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Khắc X trình bày:

Năm 2018, Nhà nước làm đường bê tông xi măng cho các hộ dân tại tổ G, ấp T, xã L, huyện L. Trưởng ấp xã T làm chủ trì và phổ biến cho các hộ dân biết nội dung Nhà nước đầu tư 70%, còn nhân dân 30%. Sau đó, Ủy ban nhân dân xã L đã thu tổng số tiền của các hộ dân là 45.600.000 (bốn mươi lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng. Tuy nhiên, các hộ dân cho rằng Ủy ban nhân dân xã L đã thu tiền số tiền nêu trên là không có căn cứ.

Cơ sở pháp lý để thi công được Ủy ban nhân dân xã L áp dụng là Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020. Căn cứ Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh B quy định về mức hỗ trợ và nguồn vốn Ngân sách Nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2018- 2020 đối với các xã nghèo được Nhà nước đầu tư 100% vốn làm đường bê tông xi măng cho dân. Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP đưa vào tỉnh Bình Phước ngày 30/7/2017 để thực hiện đường bê tông xi măng cho dân đối với các xã nghèo được hưởng theo Nghị định 161 được Nhà nước đầu tư 100% vốn để làm đường mà người dân không phải đóng bất kỳ một khoản tiền nào. Như vậy, năm 2018 Nhà nước làm đường bê tông xi măng cho các hộ dân dân tại tổ G, ấp T thuộc diện được Nhà nước đầu tư vốn 100%, tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã L lại tiến hành thu tiền của các hộ dân với tổng số tiền 45.600.000 đồng là sai với Nghị định số 161.

Ngày 08/3/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L ban hành Quyết định số 86/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Trương Thị H, cư trú tại tổ G, ấp T, xã L, huyện L (lần đầu). Không đồng ý, bà H tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện L. Ngày 21/10/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 5964/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại nội dung đơn của bà Trương Thị H, địa chỉ: tổ G, ấp T, xã L, huyện L (lần hai).

Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, bà H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, tuyên:

- Hủy Quyết định hành chính số 5964/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại nội dung đơn của bà Trương Thị H, địa chỉ tổ G, ấp T, xã L, huyện L (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã L trả lại số tiền 45.600.000 (bốn lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng cho 09 hộ dân tại tổ G, ấp T, xã L, huyện LNinh.

Tại các văn bản trình bày ý kiến người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:

Bà Trương Thị H khiếu nại Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 08/03/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã L trả lại số tiền 45.600.000 đồng cho 09 hộ dân tại tổ G, ấp T, xã L. Ủy ban nhân dân huyện T tiếp nhận và giải quyết khiếu nại theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Chương IV "Trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại" của Nghị định

124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Bà H khiếu nại việc Ủy ban nhân dân xã L vận động bà H và một số hộ dân thuộc tổ G, ấp T kinh phí giải tỏa mặt bằng thi công con đường là không đúng quy định và yêu cầu trả lại số tiền đã thu cho các hộ dân là không có cơ sở xem xét, lý do: Đây là công trình mang tính chất đặc thù và người dân là đối tượng được thụ hưởng, do đó việc huy động tiền đóng góp để thực hiện thi công đường bê tông xi măng tổ 7 không trái quy định theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; đồng thời phù hợp với định mức thu quy định tại Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 17/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh B.

Qua kiểm tra hồ sơ công trình, cho thấy Ủy ban nhân dân xã L đã lập và phê duyệt dự toán đảm bảo tỷ lệ giữa nguồn ngân sách hỗ trợ và nguồn huy động ngoài ngân sách theo quy định (70% hỗ trợ từ Nhà nước, 30% huy động ngoài ngân sách) và số tiền thực tế đã vận động chỉ chiếm 17,5% dự toán, vì vậy số tiền Uỷ ban nhân dân xã tiến hành vận động từ các hộ dân không vi phạm quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP và Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND. Việc vận động từ các hộ dân đã được Ban Điều hành ấp tổ chức họp dân, thống nhất chủ trương vận động và số tiền vận động của mỗi hộ được bàn bạc thống nhất của các hộ dân có liên quan. Tuy nhiên, từ thời điểm vận động tiền từ các hộ dân, có thông báo khởi công đến khi triển khai thực hiện xong phần nền đường là 08 tháng (tháng 3/2017 đến 23/11/2017); tiếp tục hoãn đến ngày 06/02/2018 mới tiếp tục thi công, và được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ ngày 07/6/2018. Do thời gian kéo dài dẫn đến việc thất thoát, hao hụt vật liệu với tổng giá trị 35.400.000 đồng. Mặc dù, việc thất thoát vật liệu là có thật, Uỷ ban nhân dân xã cũng đã giải trình đầy đối với việc trì hoãn, kéo dài thời gian thực hiện thi công, tuy nhiên, đây cũng là một phần trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân xã. Ủy ban nhân dân huyện C đã chỉ đạo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã cần chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc lựa chọn nhà thầu, nhà cung cấp vật liệu, kịp thời đưa ra các phương án xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các công trình nông thôn, để sử dụng nguồn vốn đạt hiệu quả hơn.

Tại văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện Ủy ban nhân dân xã L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L và tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Văn T1 là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Giai đoạn 1: để triển khai dự án làm đường bê tông xi măng tại tổ G, ấp T, xã L theo đề nghị của các hộ dân và thuận chủ trương duyệt vốn đầu tư của cơ quan có thẩm quyền, vào tháng 3/2017 tại ấp T, xã L, các hộ dân tổ 7 đã tổ chức cuộc họp dân do ông Lê Đình K, là T2 ấp chủ trì. Tại cuộc họp, người dự họp được thông báo phương án làm đường bê tông tuyến đường dài 475 mét, rộng 03 mét, các danh mục đầu tư từ Nhà nước đó là toàn bộ vật liệu xây dựng như: cát, đá, xi măng được vận chuyển đến nơi thi công. Các hộ dân có đất hai bên lề đường, nơi đường bê tông đi qua sẽ hiến đất cho đủ độ rộng cần thiết, hàng rào

nhân dân xóm tự tháo dỡ để giải phóng mặt bằng. Các hộ dân đang sinh sống, có đất vườn đang canh tác tại xóm được vận động đóng góp kinh phí thi công bê tông xi măng theo Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 20/12/2013 của Hội đồng nhân dân huyện L về thông qua đề án đầu tư đường giao thông nông thôn theo phương thức "Nhân dân làm công trình, nhà nước hỗ trợ vật tư trên địa bàn huyện L. Đại diện các hộ dân xóm có mặt cũng được vận động bầu ra các tổ tự quản như Tổ thi công, tổ giám sát, thủ quỹ để quản lý quỹ, vật liệu xây dựng cũng như tiến độ và chất lượng công trình. Sau khi người chủ trì triển khai những nội dung trên thì những người dự họp đã thống nhất phương án đóng góp. Sau này qua hai đợt đóng góp, đợt 01 mỗi hộ là 6.000.000 đồng có 09/09 hộ dân tổ 7 thống nhất đóng góp được 58.300.000 đồng trong đó có 54.000.000 đồng từ các hộ dân tổ 7, còn lại 4.300.000 đồng từ các đơn vị, cá nhân bên ngoài ủng hộ. Các hộ dân tổ 7 tự cử người quản lý quỹ trực tiếp chi tiêu, thanh toán cho nhà thầu xây dựng, một phần tiền là 21.600.000 đồng thủ quỹ của xóm nộp về Ủy ban nhân dân xã N quản lý, thanh toán với nhà thầu khi công trình đường được xây dựng hoàn thành, nghiệm thu, đưa vào sử dụng tuyến đường. Ngày 22/3/2017, Ủy ban nhân dân xã C thông báo về việc khởi công xây dựng công trình đường bê tông xi măng tại tổ G. Ngày 17/5/2017, Uỷ ban nhân dân xã có Thông báo số 14/TB-UBND về việc chậm trễ trong quá trình cung cấp vật liệu xây dựng thi công đường bê tông nông thôn mới theo đề án 03, nguyên nhân do giá cát vàng tăng cao so với dự toán ban đầu. Ngày 22/5/2017, Ủy ban nhân dân xã B Văn bản số 37/UBND-KT về việc đề nghị hỗ trợ cấp xi măng và hỗ trợ kinh phí bù giá cát thi công. Trong thời gian chờ chấp thuận hỗ trợ bù kinh phí thì đến mùa mưa nên phần thi công bị mưa lũ sói mòn, gây thất thoát vật liệu. Ngày 14/7/2017, Ủy ban nhân dân xã C biên bản về việc kiểm tra vật liệu bị thất thoát tại đường T. Ngày 25/8/2017, Ủy ban nhân dân xã T ghi nhận về việc vật liệu bị thất thoát tại đường bê tông nông thôn mới, qua hai lần kiểm tra đã ghi nhận: bãi tập kết vật liệu làm đường đã bị nước suối dâng cao làm sạt lở cuốn trôi số lượng vật liệu: 30 mỏ đá 1x2 cm và khoảng 26 m3 cát xuống đường mương thoát nước trong lô cao su và mưa lớn (từ ngày 20-24/8/2017) cũng làm sụt lún một số đoạn đường đang thi công nền đá lót đường.

Giai đoạn 02: ngày 24/9/2017, Tổ kế hoạch ấp T đã lập dự toán mới để tiếp tục triển khai thực hiện con đường theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP, với tổng dự toán là 372.845.323 đồng (điều chỉnh đơn giá cát theo giá mới là 495.000 đ/m3). Số tiền Nhân dân tổ 7 đóng góp 106.989.961 đồng, nhà nước hỗ trợ 265.855.362 đồng. Ngày 28/9/2017, Ủy ban nhân dân xã B Quyết định số 47/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ kế hoạch đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ấp T và Tờ trình số 78/UBND-KT ngày 28/9/2017 về việc đề nghị cho ý kiến xây dựng đường giao thông nông thôn theo Nghị định số 161 thuộc tổ D, tổ G gửi thường trực Hội đồng nhân dân xã. Ngày 05/10/2017, Hội đồng nhân dân xã ban hành Văn bản số 12/HĐND về việc chấp thuận dự án xây dựng đường giao thông nông thôn thuộc tổ D, tổ G theo Nghị định số 161, chấp thuận dự án đường B, có độ dài 475m, tổng dự toán đầu tư là 372.845.323 đồng (người dân đóng góp 106.989.961 đồng, đơn giá cát là 495.000 đồng/m^3). Ngày

20/10/2017, Uỷ ban nhân dân huyện có Văn bản số 1064/UBND-KT về việc chấp thuận danh đầu tư xây dựng công trình đường bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng. Ngày 30/10/2017, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện có Văn bản số 418/KT&HT- GT về việc thông báo kết quả thẩm định dự toán xây dựng công trình đường bê tông xi măng tổ G, mặt đường bê tông xi măng mác 200 rộng 03 mét, chiều dài 475 mét, dày 18 cm, lề đường rộng 0,5 mét. Chủ đầu tư công trình là Ban quản lý dự án chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thông mới xã L, giá trị dự toán công trình 372.845.323 đồng, (trong đó người dân đóng góp 106.989.961 đồng). Ngày 22/11/2017, Ủy ban nhân dân xã B Quyết định số 151/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án thi công công trình đường bê tông xi măng tổ D, tổ G và Quyết định số 152/QĐ-UBND về việc thành lập tổ thi công đầu tư cộng đồng đường giao thông nông thôn tổ D, tổ G. Đến ngày 29/11/2017, Ủy ban nhân dân xã T nghiệm thu giai đoạn nền đường lót đá 4x6 cm. Ngày 18/01/2018, Ủy ban nhân dân huyện Bhành Quyết định số 210/QĐ-UBND về việc bổ sung chỉ tiêu thu, chi ngân sách xã, thị trấn 2018, theo đó bổ sung kinh phí mua cát đá xây dựng đường GTNT theo Nghị định số 161 năm 2018, đường bê tông tại tổ G được bổ sung 162.435.900 đồng, với đơn giá cát là 400.000 đồng/m^3.

Ngày 19/01/2018, Uỷ ban nhân dân xã có Thông báo số 02/TB-UBND về việc khởi công xây dựng công trình đường B, tổ G. Ngày 19/01/2018, ông Nguyễn Văn V2 đại diện Uỷ ban nhân dân xã ký hợp đồng với đơn vị thi công con đường bê tông xi măng tổ G, với tổng giá trị hợp đồng thi công là 50.000.000 đồng, ứng trước 27.400.000 đồng, phần còn lại sẽ thanh toán khi nghiệm thu bàn giao công trình. Ngày 24/3/2018, ông V2 chủ trì tổ chức họp cùng 09 hộ dân hưởng lợi từ con đường bê tông xi măng tại t 7 thông báo về việc phải dừng thi công con đường bê tông tại tổ G, vì lý do giá cát, đá tăng cao nên Ủy ban nhân dân huyện T dừng chưa cung cấp kịp thời và do mưa lũ cuốn trôi nên vật liệu bị thiếu hụt, hiện đã thi công được 350 mét chiều dài tuyến đường, còn thiếu 125 mét (thiếu 50,4m^3 đá và 46,5m^3 cát). Sau khi họp thì các hộ dân thống nhất 06 hộ sẽ góp thêm mỗi hộ 2.000.000 đồng, còn 03 hộ nghèo thì không cần đóng thêm, số tiền còn thiếu thì Uỷ ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân huyện S có phương án hỗ trợ thêm. Tại buổi họp cũng đã cử ông Nguyễn Đạt N1 và ông Trần Thanh L nhận đo đếm vật liệu thi công tiếp con đường. Ngày 07/6/2018, Ủy ban nhân dân xã C biên bản nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng đối với đoạn đường bê tông xi măng đã thi công tại tổ G. Ngày 20/6/2018, Ban điều hành ấp T, xã L có Tờ trình số 01/TTr về việc xin kinh phí thanh toán tiền đá, cát làm đường vê tông theo đề án 161, tổng số tiền cát đá thất thoát do thiên tai là 35.400.000 đồng (50,4m^3 đá và 46,5m^3 cát), đã vận động nhân dân đóng góp được 7.500.000 đồng, còn thiếu 27.800.000 đồng. Đến ngày 24/7/2018, Ủy ban nhân dân xã B quyết định phê duyệt chỉ định thầu mua cát đá làm đường bê tông tổ 7 với tổng số tiền gói thầu là 27.800.000 đồng chi từ nguồn ngân sách xã năm 2018, nhà thầu trúng thầu là cửa hàng vật liệu xây dựng N. Như vậy, tổng số tiền đã vận động được là 65.800.000 đồng, trong đó có 61.500.000 đồng vận động từ các hộ dân hưởng lợi trực tiếp trên con đường

bê tông xi măng, số còn lại do các cá nhân bên ngoài xóm hỗ trợ. Công việc thi công phần bê tông xi măng bắt đầu từ ngày 06/02/2018 đến ngày 13/02/2018 thì hoàn thành, nghiệm thu, đưa vào sử dụng từ ngày 07/6/2018.

Uỷ ban nhân dân xã đã áp dụng các văn bản pháp lý như: Nghị định số 161/2016/NĐ-CP; Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH ngày 20/04/2007 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND. Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND. Cho đến thời điểm khiếu nại của bà H, ngoại trừ bà H ra, không có bất cứ ai khiếu nại về tuyến đường. Mặt khác, trong quá trình xác minh khiếu nại của bà H thì Tổ xác minh cũng được bà H cho biết là bản thân bà không hề biết nội dung Nghị định số 161/2016/NĐ-CP có nội dung gì, bà cũng không hề biết nội dung Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh B; Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân huyện L về thông qua đề án đầu tư đường giao thông nông thôn theo phương thức "Nhân dân làm công trình, nhà nước hỗ trợ vật tư" trên địa bàn huyện L như trong đơn khiếu nại bà đã ký. Bà chỉ nghe ông X cho bà biết là theo những văn bản này thì khi Nhà nước triển khai làm đường bê tông ở xã đặc biệt khó khăn Nhân dân sẽ không phải đóng bất cứ khoản tiền gì mà sẽ được Nhà nước hỗ trợ toàn bộ 100% kinh phí làm đường. Đồng thời, ông X khuyên bà H uỷ quyền cho ông đi khiếu nại, khiếu kiện nên bà cũng tin lời ông X nói là sự thật và uỷ quyền ông X đi khiếu kiện, khiếu nại Uỷ ban nhân dân xã. Bên cạnh đó, qua xác minh của Uỷ ban nhân dân xã thì cũng không có bất cứ ai khiếu nại, thắc mắc gì liên quan đến việc đóng góp kinh phí làm đường cho đến cuối tháng 11 và đầu tháng 12/2024 thì những hộ dân trong xóm thuộc tuyến đường trên cũng được ông X tuyên truyền là tuyến đường trên được Nhà nước hỗ trợ 100% vốn làm đường và cho đến nay Nhà nước sẽ trả lại nên ông X đề nghị các hộ dân tổ 7 ủy quyền cho ông đi làm thủ tục nhận lại tiền Nhà nước trả lại cho Nhân dân xóm. Quá trình giải quyết đơn khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C đã giải thích lý do tổ chức thu tiền làm đường, phổ biến các quy định của pháp luật nêu trên cùng các văn bản chỉ đạo, chấp thuận của Uỷ ban nhân dân huyện cũng như các văn bản hướng dẫn của các phòng, ban của Ủy ban nhân dân huyện L đến tuyến đường tổ 7 cho bà H và một số hộ dân tại tổ G để bà H và một số hộ dân được biết, đồng thời khẳng định Uỷ ban nhân dân xã đã tổ chức thu đúng quy định của pháp luật để triển khai thi công tuyến đường bê tông xi măng tại tổ G. Đối với việc khiếu nại tổ chức thu tiền làm đường, tại buổi đối thoại với người khiếu nại với ông X, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã thông báo cho ông X được biết các văn bản như nêu trên. Đồng thời cho ông X xem xét hồ sơ làm đường, tổng hợp kết quả xác minh khiếu nại và đối chiếu với các quy định của pháp luật tại thời điểm chuẩn bị thi công, triển khai thi công tuyến đường Uỷ ban nhân dân xã đã áp dụng đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Uỷ ban nhân dân huyện. Nếu người khiếu nại cho rằng Uỷ ban nhân dân xã thu tiền không đúng quy định của pháp luật thì đề nghị cung cấp chứng cứ, nêu rõ cơ sở pháp lý khẳng định Ủy ban nhân dân xã T sai để Uỷ ban nhân dân xã xem xét giải quyết tiếp. Ngược lại, nếu người khiếu nại không chỉ ra được việc Uỷ

ban nhân dân xã tổ chức thu không đúng với văn bản pháp luật nào tại thời điểm triển khai thi công thì khiếu nại là không có cơ sở xem xét giải quyết. Tại buổi đối thoại, ông X không đưa ra được chứng cứ hay pháp luật quy định nào thể hiện việc Ủy ban nhân dân xã T thu tiền làm đường sai quy định của pháp luật và bảo lưu quan điểm rằng Uỷ ban nhân dân xã thu tiền sai vì "xã L là xã nghèo nên người dân được làm các tuyến đường bê tông xi măng 0 đồng theo Nghị định số 161".

Ngày 07/6/2023, Uỷ ban nhân dân xã đã ban hành Văn bản số 29/UBND-NC trả lời kiến nghị cho bà H. Căn cứ kết quả xác minh, thu thập chứng cứ, xem xét hồ sơ, kết quả đối thoại với người khiếu nại, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 về việc giải quyết khiếu nại của bà H với nội dung không chấp nhận yêu cầu của bà H trả lại cho Nhân dân tổ 7 số tiền 45.600.000 đồng đã thuê đơn vị thi công, thi công tuyến đường bê tông xi măng vì lý do không có cơ sở pháp lý để xem xét, giải quyết. Mặt khác, toàn bộ số tiền các hộ dân trong tổ 7 đóng góp được sử dụng vào việc làm đường cho chính các hộ dân đi lại nên không có khoản nào để trả lại cho các hộ dân. Trong quá trình thi công tuyến đường thì Uỷ ban nhân dân xã cũng đã chi đúng, chỉ đầy đủ toàn bộ kinh phí mà Nhà nước hỗ trợ, nhân dân đóng góp kinh phí thi công bê tông tuyến đường. Uỷ ban nhân dân xã cũng tôn trọng và tạo điều kiện để các hộ dân tại tổ G phát huy quyền dân chủ ở cơ. Các hộ dân trong tuyến đường này bầu Tổ giám sát thi công trong suốt quá trình xây dựng tuyến đường, được thông báo công khai kết quả sử dụng các nguồn kinh phí làm đường. Tuyến đường đảm bảo kết cấu, kỹ thuật, đã thi công, nghiệm thu và đưa vào sử dụng nhiều năm đến nay vẫn đảm bảo chất lượng.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân xã L đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật và các văn bản triển khai của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Uỷ ban nhân dân huyện, đã chi đúng mục đích và đảm bảo đầy đủ tất cả các khoản kinh phí được đầu tư bởi mà Nhà nước và sự đóng góp của 09 hộ dân xóm tổ 7. Việc đóng góp xây dựng con đường cho tuyến đường bê tông là hoàn toàn cho lợi ích của chính các hộ dân đi lại, lưu thông. Vì vậy, việc bà H khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân xã L trả lại cho các hộ dân số tiền 45.600.000 đồng là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khiếu kiện của bà H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Thanh R, ông Nguyễn Văn V, ông Trần Thanh L, ông Phan Nguyễn Anh V1; ông Dương Minh N; ông Lê Đình L1; ông Lê Văn M; ông Lê Đình D trình bày: Các đương sự nêu trên cơ bản thống nhất với lời trình bày của bà Trương Thị H và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2025/HC-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai) quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H, về việc:

- Hủy Quyết định hành chính số 5964/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại nội dung đơn

của bà Trương Thị H, địa chỉ: tổ G, ấp T, xã L, huyện L (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã L trả lại số tiền 45.600.000 (bốn lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng cho 09 hộ dân tại tổ G, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/5/2025 người khởi kiện là bà Trương Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà Trương Thị H và ông Đỗ Khắc X người đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 5964/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại cho bà H là không có căn cứ đối với nội dung khiếu nại: Do đó bà Trương Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét:

- Hủy Quyết định hành chính số 5964/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại nội dung đơn của bà Trương Thị H, địa chỉ: tổ G, ấp T, xã L, huyện L (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã L trả lại số tiền 45.600.000 (bốn lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng cho 09 hộ dân tại tổ G, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

Căn cứ vào Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 20/12/2013 của Hội đồng nhân dân huyện L về thông qua đề án đầu tư đường giao thông nông thôn theo phương thức "Nhân dân làm công trình, nhà nước hỗ trợ vật tư" trên địa bàn huyện L, quy định về cơ chế thực hiện: "Nhà nước hỗ trợ các loại vật liệu chính (cát, đá, xi măng, sỏi đỏ...) để làm mặt đường, phần còn lại nhân dân hiến đất, tự giải tỏa cây trồng, hoa màu, đóng góp ngày công lao động, máy móc phục vụ thi công và tự tổ chức thi công công trình theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn". Và căn cứ vào Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ quy định về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020, tại khoản 5 Điều 2, có quy định: *"Sử dụng một phần ngân sách Nhà nước, phần kinh phí còn lại do nhân dân đóng góp và các nguồn khác, có sự tham gia thực hiện và giám sát của người dân. Phần kinh phí đóng góp của nhân dân có thể bằng tiền hoặc hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền".* Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh B về mức hỗ trợ và nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020, quy định về mức hỗ trợ, như sau: *"b) Hỗ trợ vật tư để thực hiện các công trình hạ tầng áp dụng theo cơ chế đầu tư đặc thù: Tỉnh hỗ trợ xi măng; tùy theo điều kiện các huyện, thị xã quy định việc hỗ trợ cát, đá, chi phí vận chuyển, máy thi công,...; phần còn lại huy động nhân dân, doanh nghiệp và các tổ chức hợp pháp khác".*

Do đó, sau khi được thuận chủ trương của Uỷ ban nhân dân huyện về việc đầu tư xây dựng công trình đường bê tông xi măng cấp B, dài là 475 mét tại tổ G, ấp T. Ngày 20/4/2016, tại nhà ông Nguyễn Văn V (bút lục 80), Ban Điều hành ấp T tiến hành họp các hộ dân thông qua kế hoạch làm đường có sự tham dự của 09 hộ dân thống nhất tổng dự toán công trình, số tiền người dân cần đối ứng là 106.744.000 đồng. Ngày 21/4/2016, Ban Phát triển ấp đã lập Dự toán đầu tư công trình bê tông xi măng tổ 7 với tổng dự toán 355.050.000 đồng, theo đó Nhà nước hỗ trợ 248.306.000 đồng, người dân đóng góp 106.744.000 đồng (30% tổng dự toán). Tháng 3/2017, ấp bắt đầu triển khai vận động được số tiền là 58.300.000 đồng (trong đó có 54.000.000 đồng từ 09 hộ dân và 4.300.000 từ các cá nhân khác), nộp về xã 21.600.000 đồng để đối ứng, số tiền còn lại do bà Trần Thị N2 làm thủ quỹ, trực tiếp thực hiện việc quản lý thu, chi. Ngày 17/5/2017, Uỷ ban nhân dân xã có Thông báo số 14/TB-UBND về việc chậm trễ trong quá trình cấp vật liệu thi công đường bê tông nông thôn mới theo đề án 03, nguyên nhân do giá cát vàng tăng cao so với dự toán ban đầu. Ngày 22/5/2017, Ủy ban nhân dân xã C văn bản gửi cấp trên đề nghị hỗ trợ cấp xi măng và hỗ trợ kinh phí bù giá cát thi công. Trong thời gian chờ chấp thuận hỗ trợ bù kinh phí thì đến mùa mưa nên phần công trình đã thi công bị mưa lũ sói mòn và gây thất thoát vật liệu. Ngày 24/9/2017, Tổ kế hoạch ấp T đã lập dự toán mới để tiếp tục triển khai thực hiện con đường theo Nghị định số 161, với tổng dự toán 372.845.323 đồng, điều chỉnh đơn giá cát theo giá mới là 495.000 đ/m3 (trong đó số tiền các hộ dân đóng góp 106.989.961 đồng, Nhà nước hỗ trợ 265.855.362

đồng). Ngày 28/9/2017, Ủy ban nhân dân xã X ý kiến dự toán xây dựng đường giao thông nông thôn theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP như trên gửi thường trực Hội đồng nhân dân xã và được Hội đồng nhân dân xã chấp thuận. Ngày 24/3/2018, ông Nguyễn Văn V chủ trì tổ chức họp 09 hộ dân hưởng lợi từ con đường bê tông xi măng về việc phải dừng thi công con đường, lý do: giá cát đá tăng cao nên Ủy ban nhân dân huyện T dừng chưa cung cấp kịp thời và do mưa lũ cuốn trôi nên vật liệu bị thiếu hụt, hiện đã thi công 350 mét, còn thiếu 125 mét (thiếu 50,4m^3 đá và 46,5m^3 cát). Sau khi họp các hộ dân thống nhất 06 hộ sẽ góp thêm mỗi hộ 2.000.000 đồng, còn 03 hộ nghèo thì không cần đóng thêm, các hộ dân cử ông Nguyễn Đạt N1 và ông Trần Thanh L nhận đo đếm vật liệu thi công tiếp con đường. Đến ngày 20/6/2018, Ban điều hành ấp T có Tờ trình số 01/TT về việc xin kinh phí thanh toán tiền đá, cát làm đường vê tông theo đề án 161, tổng số tiền cát đá thất thoát do thiên tai là 35.400.000 đồng (50,4m^3 đá và 46,5m^3 cát), đã vận động nhân dân đóng góp được 7.500.000 đồng, còn thiếu 27.800.000 đồng. Ngày 24/7/2018, Ủy ban nhân dân xã B quyết định phê duyệt chỉ định thầu mua cát đá làm đường bê tông tổ 7 với tổng số tiền gói thầu là 27.800.000 đồng chi từ nguồn ngân sách xã năm 2018.

Các nội dung nêu trên phù hợp với các nội dung tại Biên bản họp dân tổ 7, ấp T ngày 20/4/2016 tại nhà ông Nguyễn Văn V (bút lục 80), có 09 hộ dân tham gia thể hiện nội dung: "*ông K là Trưởng ấp phổ biến cuộc họp thông qua kế hoạch làm đường cấp B dài 475 mét...sau khi bàn bạc, thảo luận, các hộ dân thống nhất như trên và tiến hành vận động đóng góp số tiền và công để làm đường với số tiền 106.744.000 đồng, đề nghị Ủy ban nhân dân xã X hỗ trợ vật tư quy thành tiền là 248.306.000 đồng"* và Biên bản họp làm đường bê tông ngày 24/3/2018 (bút lục 111) tại nhà ông Nguyễn Văn D1, có 09 hộ dân tham gia thể hiện nội dung: *"ông Nguyễn Văn V là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P lý do con đường đang thi công phải dừng lại. Do thiếu cát đá... Sau khi họp 06 hộ dân có ý kiến đóng góp thêm mỗi hộ là 02 triệu đồng, số tiền còn lại kiến nghị Uỷ ban nhân dân xã và huyện có phương án hỗ trợ thêm, sau khi họp thống nhất cử ông Nguyễn Đạt N1 và ông Trần Thanh L nhận, đo đếm vật liệu thi công..."*. Tại biên bản làm việc với người khởi kiện bà H ngày 18/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã L (bút lục 124), có thể hiện nội dung bà H trình bày: *"...bà H được mời họp xóm do ông K là Trưởng ấp làm chủ trì có phổ biến chủ trương làm đường, theo các quy định thì Nhà nước sẽ đầu tư vật liệu xây dựng như cát, đá các loại, xi măng, Nhân dân hiến đất cho đủ rộng làm đường và đóng góp thêm tiền làm đường. Xã và T2 ấp đã phổ biến như vậy thì chúng tôi cũng thống nhất, vui mừng đóng tiền làm đường"* và tại Biên bản làm việc đối với bà H của Tổ xác minh số 03 ngày 15/5/2024 có thể hiện nội dung: *"...bà H không nhớ rõ thời gian nhưng trong lúc đang đổ xi măng thi công con đường thì phát sinh việc thiếu đá nên trưởng ấp đã triển khai vận động các hộ dân hưởng lợi trên con đường bê tông tổ G, ấp T góp thêm tiền để mua đá. Số tiền cụ thể bà không nhớ. Bà H cho biết khi được phổ biến nội dung các khoản đóng góp thì bà H và các hộ dân đều tự nguyện đóng góp chứ không hề có sự ép buộc nào".* Tại biên bản làm việc với ông Lê Đình K, Trưởng ấp T (bút lục 124) của Ủy ban nhân dân xã

L, có thể hiện nội dung ông K trình bày*: "...tôi tổ chức họp dân xóm, tổ có tất cả các hộ dân tham gia, theo tinh thần chỉ đạo thì tôi vận động hiến đất làm đường, giải phóng mặt bằng. Nhà nước sẽ hỗ trợ vật liệu xây dựng, vận chuyển đến nơi thi công. Nhân dân ban gạt, giải phóng mặt bằng, đóng góp kinh phí thuê nhân công đổ bê tông xi măng..."*. Tại biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân xã L (bút lục A) với bà Trần Thị N2 là người đại diện cho các hộ dân tổ 7 thu tiền, bà N2 cho rằng: *"bà được mời hộ xóm, ông K là người chủ trì họp và thông qua chủ trương của nhà nước, nhà nước đầu tư vật tư vật liệu xây dựng như cát, đá, xi măng, tiền chi phí thi công sẽ do Nhân dân đóng góp, các hộ dân hai bên ven đường sẽ hiến đất cho đủ rộng để làm đường bê tông. chúng tôi thống đóng làm hai đợt.... tôi được mời họp và nghe thông báo làm đường như vậy thì tôi cũng như dân xóm đồng thuận đóng tiền làm đường mà thôi..."*.

Đối chiếu vào việc lập dự toán và phê duyệt đầu tư công trình đường giao thông nông thôn của ban P ngày 21/4/2016 (bút lục 81) và Ủy ban nhân dân xã L (bút lục 101); kết quả thẩm định Dự toán xây dựng công trình tại Thông báo Số 418/KT&HT- GT ngày 30/10/2017 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng (bút lục 103) cho thấy: Tổng mức đầu tư là 372.845.323 đồng, trong đó Ngân sách Nhà nước hỗ trợ là 265.855.363 đồng; người dân đóng góp 106.989.961 đồng. Xác định được phần dự toán đảm bảo tỷ lệ giữa nguồn ngân sách hỗ trợ và nguồn huy động ngoài ngân sách theo quy định (70% hỗ trợ từ Nhà nước, 30% huy động ngoài ngân sách) và số tiền thực tế đã vận động chỉ chiếm 17,5 % dự toán.

Việc Ủy ban nhân dân xã V các hộ dân đóng góp các khoản chi phí không được Nhà nước hỗ trợ nêu trên không bị pháp luật cấm và phù hợp với phương thức "Nhân dân làm công trình, nhà nước hỗ trợ vật tư" tại Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND và tinh thần nội dung tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP, Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND. Mặt khác, các chi phí đóng góp này các hộ dân tự nguyện đóng góp và ký kết Hợp đồng với nhà thầu thi công, tự phân công người thu tiền quỹ đối ứng, tự bầu Tổ giám sát dưới sự quản lý của Uỷ ban nhân dân xã cùng sự giám sát, tự quản của Nhân dân. Hơn nữa, nguồn kinh phí huy động được cũng được Uỷ ban nhân dân xã sử dụng vào đúng mục đích phục vụ cho lợi ích của chính những hộ dân đóng góp. Ngoài ra, bà H khởi kiện nhưng không cung cấp được căn cứ nào chứng minh cho việc Uỷ ban nhân dân xã thu tiền của các hộ dân là sai quy định. Do vậy, người bị kiện ban hành Quyết định số 5964/QĐ-UBND với nội dung bác khiếu nại của bà H là có căn cứ, mặc dù chưa đảm bảo về thời hạn giải quyết nhưng đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và nội dung quyết định.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc đề nghị hủy Quyết định số 5964/QĐ-UBND và các yêu cầu khởi kiện còn lại của bà H.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận định và quyết định là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh. Những nội dung trình bày và các tài liệu, chứng

cứ người khởi kiện nêu trong đơn kháng cáo, đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu. Tuy nhiên, bà Trương Thị H là người cao tuổi nên thuộc đối tượng được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

I. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Trương Thị H;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2025/HC-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai).

Áp dụng vào khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Các Điều 7, 9, 18, 36, 37, 38, 39, 40, 41 của Luật Khiếu nại năm 2011; Chương IV Điều 29 biểu mẫu số 16 quy định kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 20/12/2013 của Hội đồng nhân dân huyện L về thông qua đề án đầu tư đường giao thông nông thôn theo phương thức "Nhân dân làm công trình, nhà nước hỗ trợ vật tư" trên địa bàn huyện L; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ quy định về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh B quy định về mức hỗ trợ và nguồn vốn Ngân sách Nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2018-2020;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H, về việc:

- Hủy Quyết định hành chính số 5964/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại nội dung đơn của bà Trương Thị H, địa chỉ: tổ G, ấp T, xã L, huyện L (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã L trả lại số tiền 45.600.000 (bốn lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng cho 09 hộ dân tại tổ G, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trương Thị H thuộc đối tượng được miễn tiền án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCT&KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (9);
- Lưu (10) 24b (ÁnTTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên